CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An

Ngày 31/03/2025	15,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.6%	**-0.6%**	**4.6%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	14,600 - 24,840
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	110
Số lượng CPLH (CP)	6,894,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,910
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	
EPS	4,412
P/E	3.6

DT thuần
Q1/25
211
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 196| 1323%
YoY: ▲ 209| 9135%

LN thuần
Q1/25
20.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.6| 3006%
YoY: ▲ 21.4| 1840%

LN sau thuế
Q1/25
15.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.2| 2918%
YoY: ▲ 16.9| 1453%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
9.6%
YoY: +/-▲ 0.4%

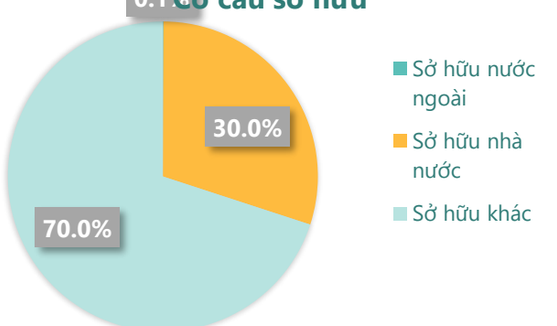
ROE (TTM)
Q1/25
25.1%
YoY: +/-▲ 12.9%

DT thuần
2024
222
tỷ VNĐ
YoY: ▼69.0| -23.7%

LN thuần
2024
17.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.20| -6.4%

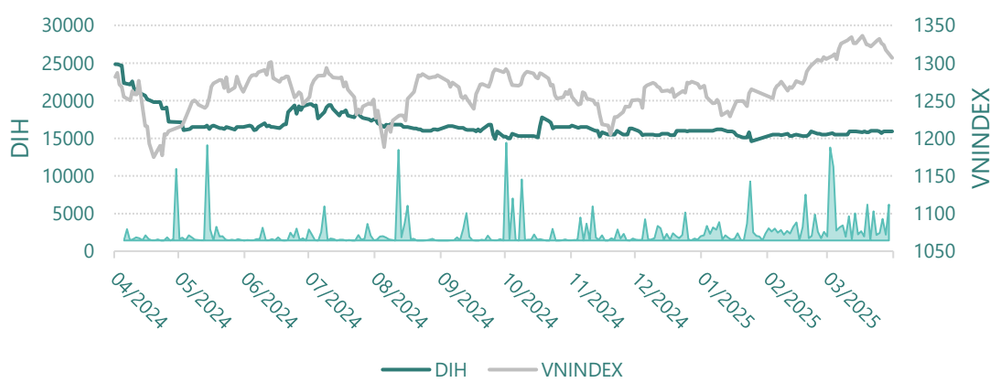
LN sau thuế
2024
13.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.70| -5.1%

Cơ cấu sở hữu

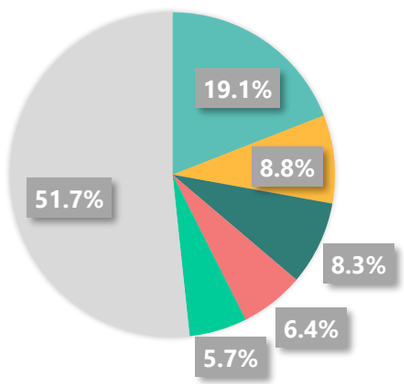


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

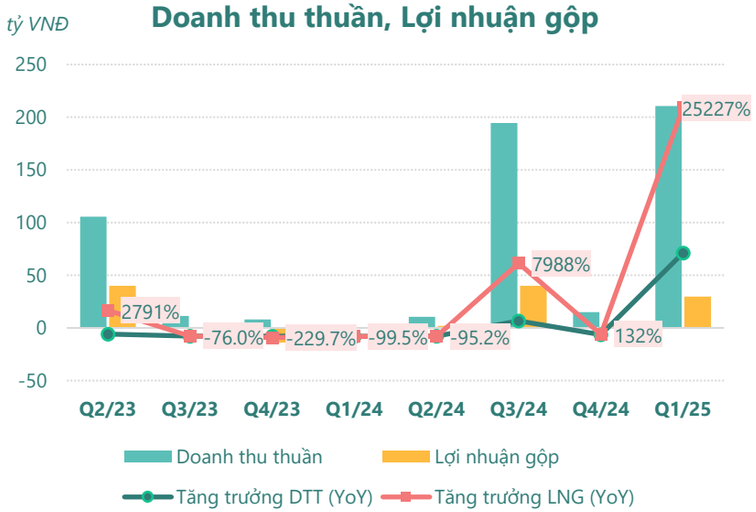


- Trần Đình Huy (Phó Tổng giám đốc)
- Đỗ Thành Quảng
- Vũ Văn Thành
- Nguyễn Đình Thành
- Dương Phú Hưng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

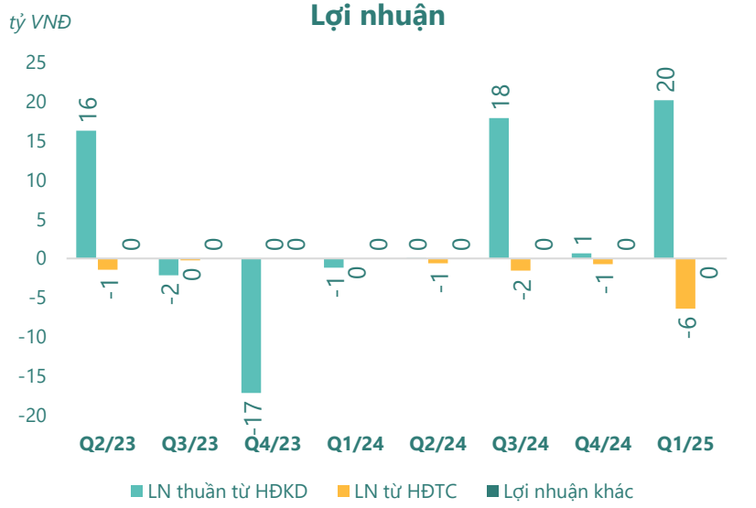
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



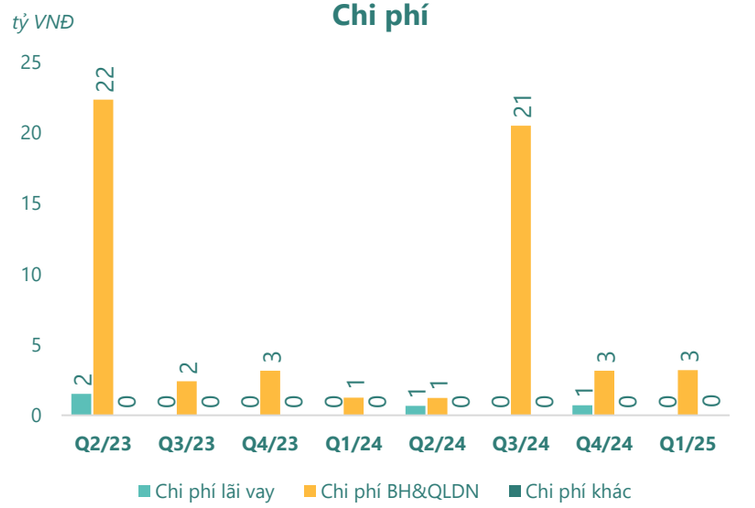
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



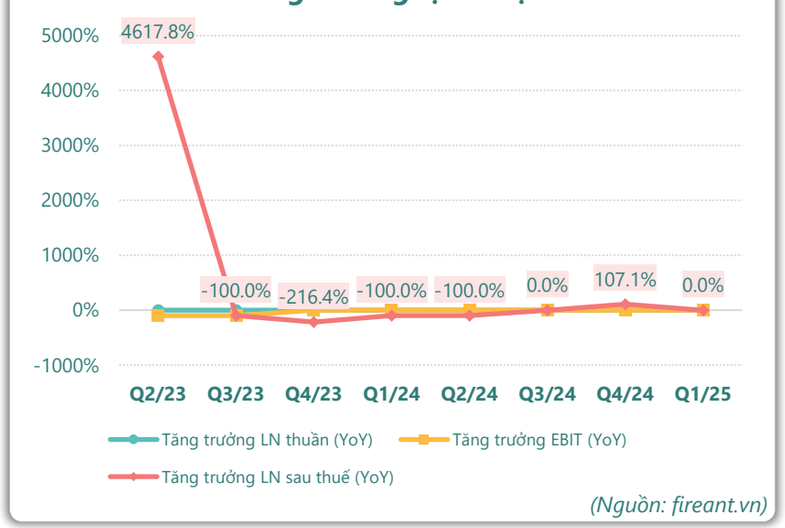
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



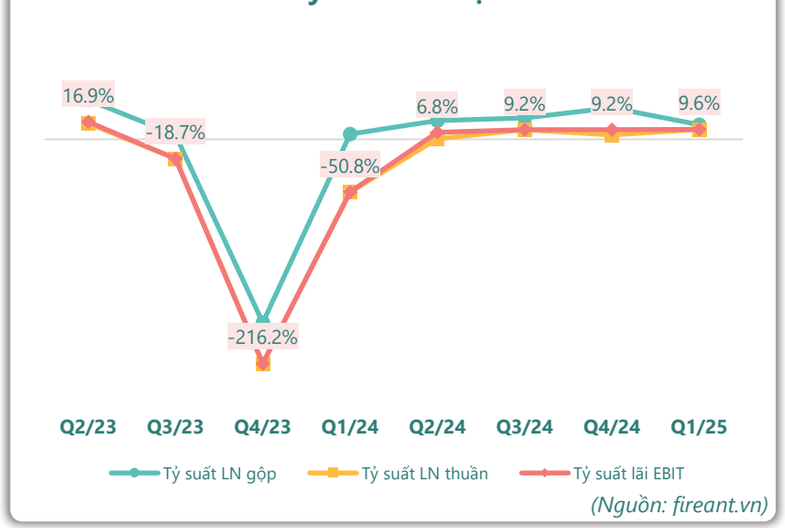
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



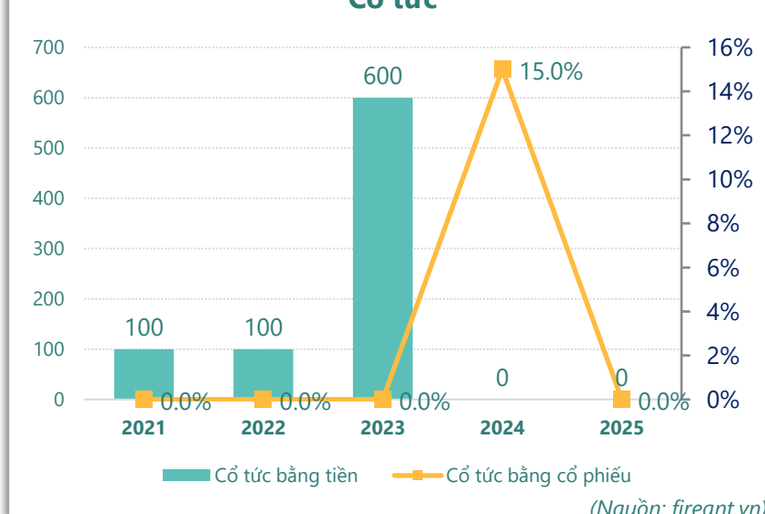
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

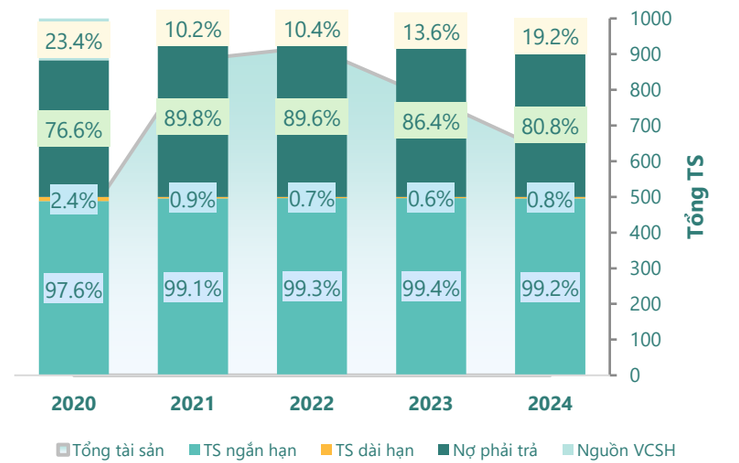
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

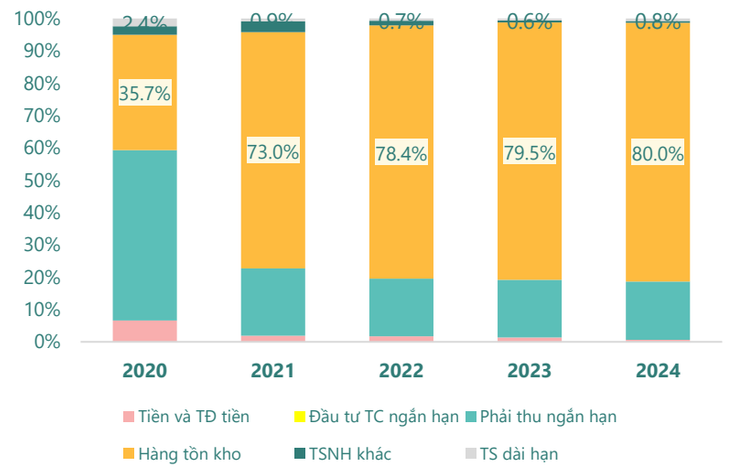
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



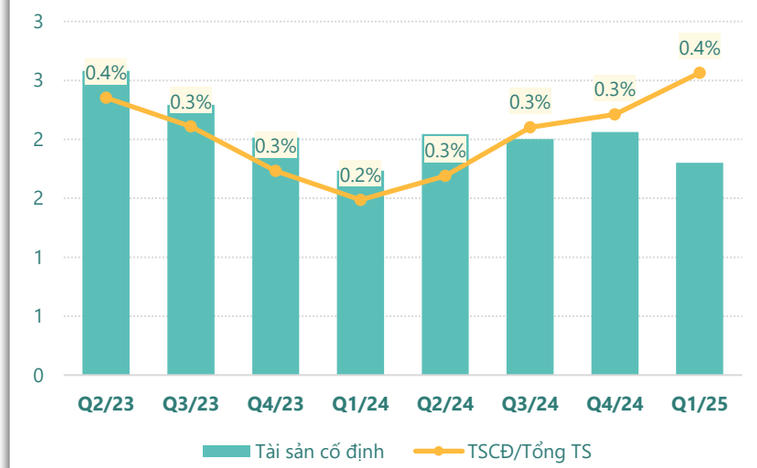
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



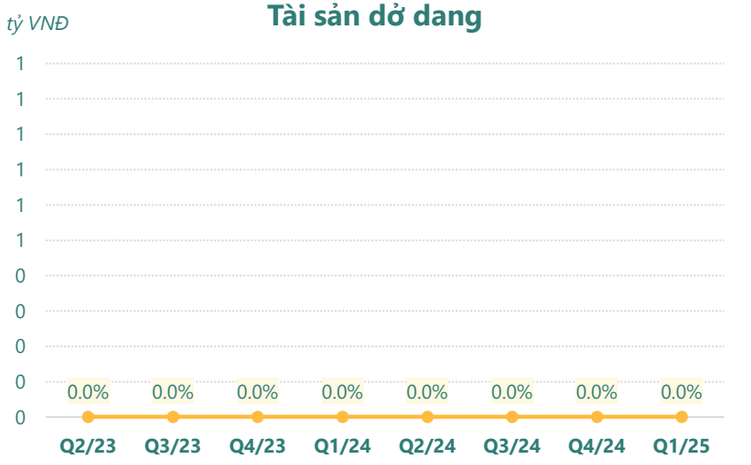
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



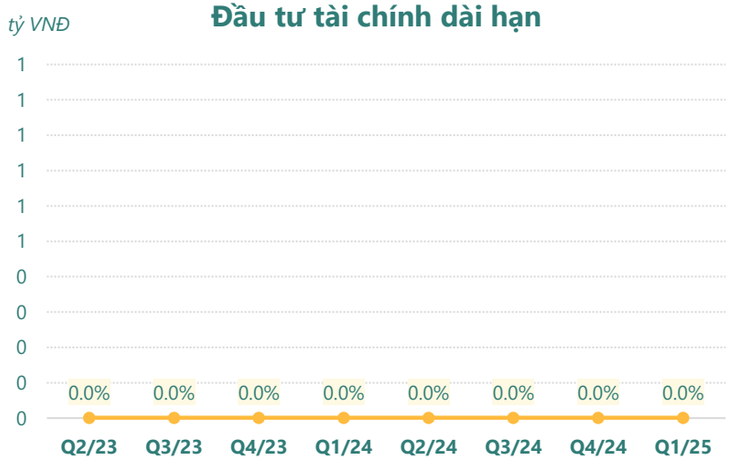
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



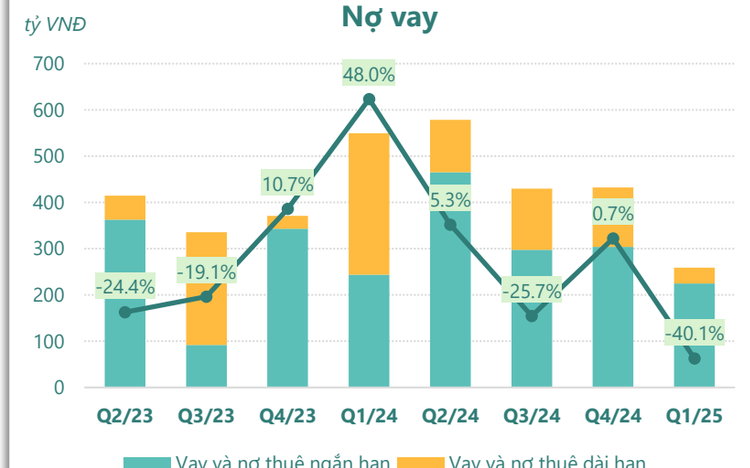
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

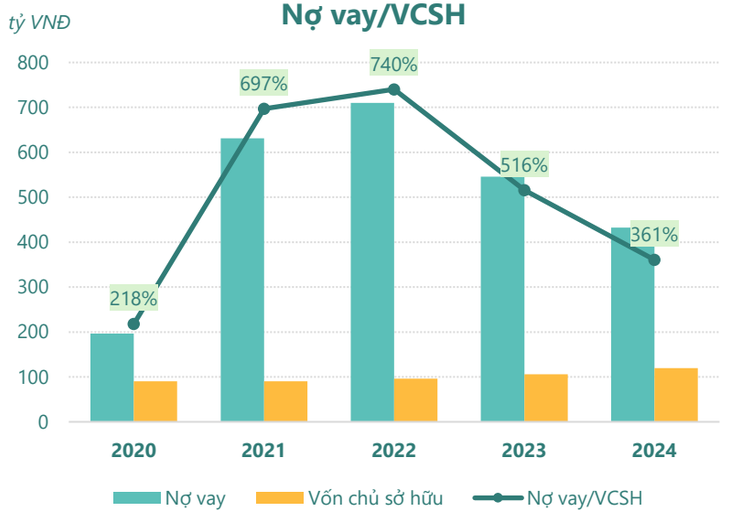
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

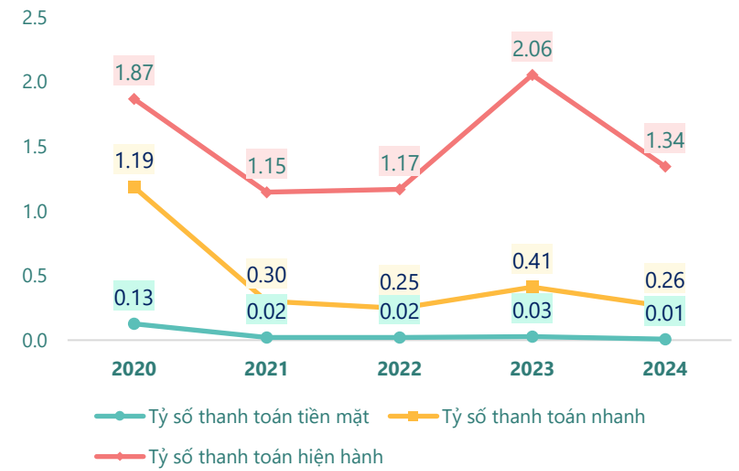
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



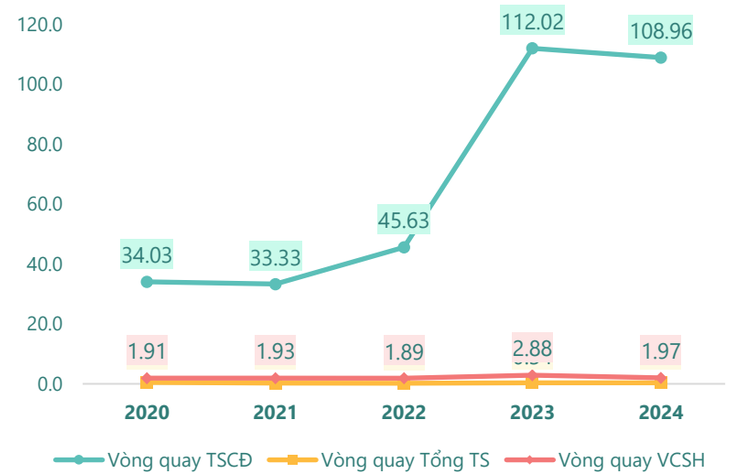
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



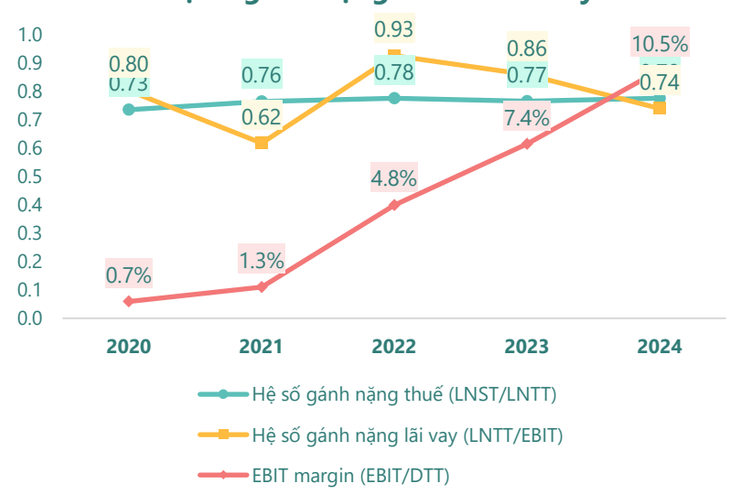
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



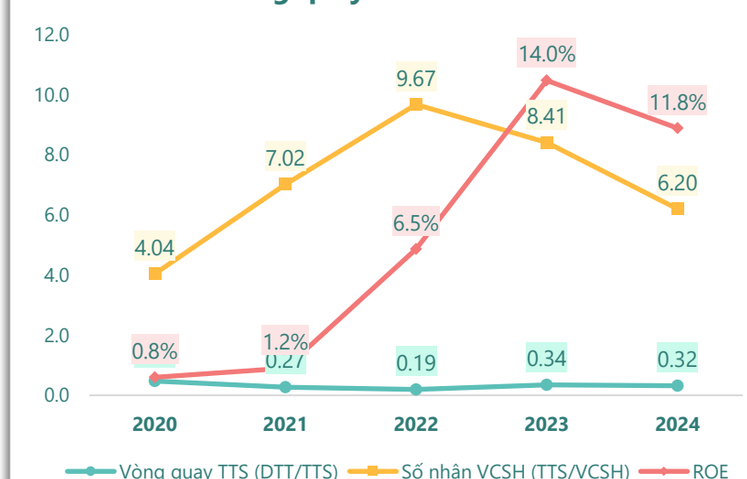
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



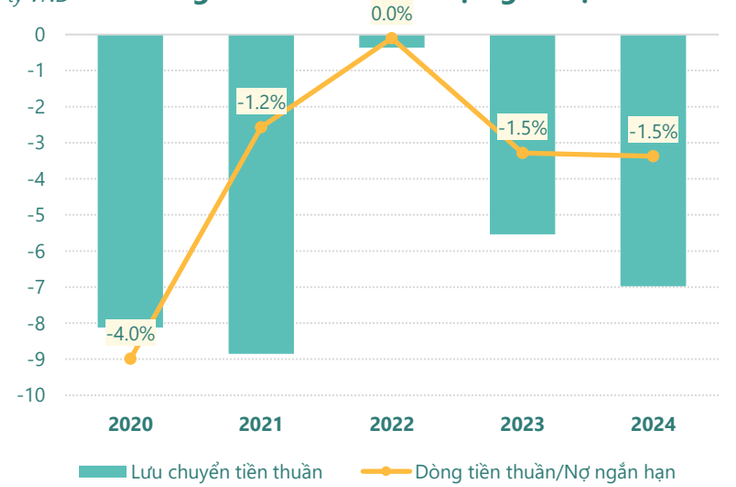
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**211**	**2.28**	**9135%**	**222**	**291**	**-23.7%**
Giá vốn hàng bán	181	2.16	8269%	180	238	-24.3%
Lợi nhuận gộp	29.8	0.12	24726%	41.9	52.9	-20.7%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.03	0.05	-47.2%
Chi phí TC	6.41	0.02	31925%	6.08	3.03	101%
Chi phí lãi vay	0	0.00		6.08	3.03	101%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		7.01	18.7	-62.5%
Chi phí QLDN	**3.20**	**1.26**	**154%**	**11.6**	**12.8**	**-9.2%**
LN thuần từ HĐKD	20.2	-1.16	1840%	17.2	18.4	-6.4%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	20.2	-1.16	1838%	17.2	18.4	-6.4%
Lợi nhuận sau thuế	**15.7**	**-1.16**	**1453%**	**13.4**	**14.1**	**-5.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**15.7**	**-1.16**	**1453%**	**13.4**	**14.1**	**-5.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-35.3	-12.9	-18.6	138	-1.88	176
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	-0.57	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	32.3	4.26	30.4	-149	2.91	-174
Tiền đầu kỳ	12.5	10.6	1.97	12.0	1.45	2.48
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.01**	**-8.67**	**11.2**	**-10.6**	**1.04**	**2.03**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.48	1.97	13.2	1.45	2.48	4.52

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**468**	**623**	**-24.8%**
Tài sản ngắn hạn	464	618	-25.0%
Tiền và tương đương tiền	5.70	3.67	55.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	117	113	4.1%
Hàng tồn kho	339	498	-31.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.31	3.36	-61.2%
Tài sản dài hạn	**4.58**	**4.87**	**-5.9%**
Phải thu dài hạn	0.32	0.32	0.0%
Tài sản cố định	1.80	2.06	-12.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.45**	**2.48**	**-1.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	333	503	-33.9%
Nợ ngắn hạn	**298**	**460**	**-35.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	225	389	-42.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.7	28.2	-1.6%
Nợ dài hạn	34.1	43.3	-21.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	34.1	43.3	-21.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**136**	**120**	**13.1%**
Vốn chủ sở hữu	**136**	**120**	**13.1%**
Vốn điều lệ	68.9	68.9	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)